

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4162 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020–2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3647/TTr-SNN ngày 27 tháng 8 năm 2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 – 2030 và Văn bản số 4397/SNN-PTNT&QLCL ngày 22 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Thường trực TU, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
 - Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN.
- (Khoa/549.Qdnnhuuco)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiên Dũng

Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2020

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020
của UBND tỉnh Đồng Nai)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ;
- b) Phát triển nông nghiệp hữu cơ có hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn với kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nhằm phục vụ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phát huy tiềm năng thế mạnh về nông nghiệp hữu cơ;
- c) Xác định rõ trách nhiệm, nội dung công việc cụ thể của các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh, đưa Đồng Nai trở thành tỉnh có trình độ sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngang bằng các tỉnh tiên tiến trong khu vực.

2. Yêu cầu

- a) Rà soát, tổng hợp nhu cầu và điều kiện đáp ứng yêu cầu về sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và nông nghiệp hữu cơ làm căn cứ triển khai;
- b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai;
- c) Tổ chức sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên cơ sở nhu cầu của thị trường gắn với chuỗi giá trị, chuỗi kết nối cung cầu và đáp ứng được các tiêu chuẩn về sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

II. NỘI DUNG

1. Phát triển các vùng sản xuất hữu cơ đối với một số sản phẩm hữu cơ chủ lực của tỉnh và thế mạnh của địa phương

Ưu tiên các vùng có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho từng đối tượng cây trồng, vật nuôi để sản xuất hữu cơ; ưu tiên lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ. Hình thành vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc

trung có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ. Đảm bảo hoàn thành các mục tiêu về diện tích, sản phẩm hữu cơ và giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ đặt ra tại Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020–2030. Một số mục tiêu cụ thể như sau:

a) Vùng trồng trọt hữu cơ

Xác định được các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm như lúa, rau đậu các loại, cây ăn quả, ca cao, hồ tiêu, cà phê, điều, ...; từ đó xây dựng kế hoạch chuyển đổi các vùng này sang sản xuất hữu cơ.

- Vùng lúa hữu cơ: Diện tích gieo trồng khoảng 500 ha vào năm 2025 và khoảng 1.000 ha đến năm 2030.

- Vùng rau đậu hữu cơ: Diện tích gieo trồng đạt khoảng 200 ha vào năm 2025 và khoảng 500 ha đến năm 2030.

- Vùng sản xuất cây ăn quả hữu cơ: Diện tích trồng đạt khoảng 500 ha vào năm 2025 và khoảng 1.000 ha đến năm 2030.

- Vùng sản xuất hồ tiêu hữu cơ: Diện tích trồng đạt khoảng 200 ha vào năm 2025 và khoảng 500 ha đến năm 2030.

- Vùng sản xuất điều hữu cơ: Diện tích trồng đạt khoảng 400 ha vào năm 2025 và khoảng 700 ha đến năm 2030.

- Vùng ca cao hữu cơ: Diện tích trồng đạt khoảng 30 ha vào năm 2025 và khoảng 50 ha đến năm 2030.

b) Vùng chăn nuôi hữu cơ

Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như sản phẩm mật ong, sản phẩm yến, thịt gia súc gia cầm, ...; riêng vùng chăn nuôi bò hữu cơ gắn với vùng đồng cỏ, vùng trồng trọt sản xuất thức ăn thô xanh hữu cơ.

- Vùng chăn nuôi heo hữu cơ: Đàn heo đạt khoảng 5.000 con năm 2025 và khoảng 10.000 con vào năm 2030.

- Vùng chăn nuôi gia cầm hữu cơ: Đàn gia cầm đạt khoảng 200.000 con đến năm 2025 và khoảng 500.000 con vào năm 2030.

- Vùng chăn nuôi bò hữu cơ: Đàn bò đến năm 2025 đạt khoảng 800 con và đến năm 2030 đạt khoảng 1.500 con.

- Vùng nuôi ong hữu cơ cho sản lượng mật ong hữu cơ khoảng 100 tấn đến năm 2025 và khoảng 300 tấn vào năm 2030.

- Vùng nuôi yến hữu cơ cho sản phẩm yến hữu cơ khoảng 300 kg đến năm 2025 và khoảng 500 kg vào năm 2030.

c) Vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ: Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ với những sản phẩm chủ lực như tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa, ... Vùng nuôi trồng tập trung với diện tích mặt nước nuôi

trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 200 ha vào năm 2025 và khoảng 500 ha đến năm 2030.

d) Phát triển các vùng sản xuất sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90 - 95% vào năm 2025 và 95 - 98% vào năm 2030; đối với hình thức thâm canh (Sử dụng môi trường rừng để sản xuất) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75 - 80% vào năm 2025 và 80 - 85% vào năm 2030.

2. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ

a) Ưu tiên chế biến các sản phẩm hữu cơ bao gồm các món ăn, các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc dược liệu, mỹ phẩm, ... để nâng cao giá trị gia tăng.

b) Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ có sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã tại các vùng sản xuất tập trung.

c) Khuyến khích các hình thức sản xuất quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác sản xuất các sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm khai thác từ tự nhiên có giá trị gia tăng cao và giá trị truyền thống.

d) Đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom phế phụ phẩm, làm phân hữu cơ, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.

3. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ

a) Hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao kết hợp với phát huy kiến thức bản địa, sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị.

b) Đánh giá thực trạng độ phì nhiêu đất tại các vùng sản xuất hữu cơ, nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng cho các cây trồng phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững.

c) Nghiên cứu phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ dược liệu hữu cơ. Nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

d) Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm giảm giá thành vật tư, nguyên liệu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các sản phẩm phân bón hữu cơ hiệu quả, chất lượng cao gắn liền với nguồn nguyên liệu sẵn có.

đ) Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, đặc hữu, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao.

4. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực

- a) Nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức các cấp làm công tác quản lý, kiểm tra giám sát các tổ chức chứng nhận và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- b) Tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ.
- c) Tăng cường tuyên truyền và giáo dục về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh phổ thông và sinh viên các trường trung cấp, cao đẳng và trường đại học thuộc lĩnh vực nông lâm thủy sản.
- d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sản xuất hữu cơ, tăng cường công tác đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ.

5. Phát triển các vật tư đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ

- a) Đa dạng nguồn sản phẩm làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản hữu cơ như các loại thức ăn xanh, ủ chua, sấy khô, bột cá... để phát triển chăn nuôi, thủy sản hữu cơ. Phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản.
- b) Ưu tiên kinh phí cho chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư đầu vào hữu cơ để sản xuất sản phẩm hữu cơ.
- c) Đảm bảo sản xuất và tiêu thụ phân bón hữu cơ đạt 01 triệu tấn vào năm 2020 và tăng dần trong các năm tiếp theo, tăng tỷ lệ khối lượng sản phẩm phân bón hữu cơ sử dụng lên 15%/năm so với tổng sản phẩm phân bón.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về nông nghiệp hữu cơ

- a) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quản lý chặt chẽ vật tư đầu vào sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm
 - Quản lý chặt chẽ các quy hoạch, kế hoạch liên quan phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.
 - Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về khuyến khích phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản.
 - Quản lý chặt chẽ đầu vào của sản xuất hữu cơ:
 - + Quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản hữu cơ được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.
 - + Quản lý chặt chẽ vật tư thiết yếu khác được sử dụng trong sản xuất hữu cơ: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia...
 - + Quản lý nguồn nước sử dụng cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ: nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản...

+ Quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ.

- Quản lý sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: Thực hiện việc kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, trang bị công cụ công nghệ thông tin, tích hợp theo dõi, quản lý, giám sát các hoạt động từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b) Phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung

- Trên cơ sở đánh giá các lợi thế về điều kiện sinh thái, sản phẩm có thể mạnh và thị trường tiêu thụ, xác định các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chủ lực, từ đó tiến hành xây dựng đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, đánh giá đất đai, nguồn nước; định hướng, xác định các vùng có tiềm năng thế mạnh về sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ để khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu đầu tư vào sản xuất, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung.

- Tăng cường sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định.

c) Công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn, logo, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ

- Thực hiện đánh giá sự phù hợp quá trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ và các tiêu chuẩn tương đương.

- Hỗ trợ triển khai ghi nhãn, mã số, mã vạch, nhãn sản phẩm hữu cơ, chỉ dẫn địa lý, sở hữu tập thể, sở hữu hàng hóa, ...

2. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Thúc đẩy hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các nguyên liệu dược liệu hữu cơ, các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và nâng cao bảo vệ sức khỏe; phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

b) Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển các chuỗi giá trị

a) Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng các mô hình nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến các sản phẩm hữu cơ.

b) Xây dựng mô hình khuyến nông về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hoàn thiện các quy trình kỹ thuật để tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.

c) Xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ theo liên kết chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm hữu cơ kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái và nhân rộng theo các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

4. Hỗ trợ chứng nhận và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm hữu cơ

a) Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm hữu cơ. Tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp phân phối, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu, hộ kinh doanh,... với các cơ sở, vùng sản xuất đã được chứng nhận.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở, vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương để tăng cơ hội phân phối, quảng bá sản phẩm hữu cơ được chứng nhận tới người tiêu dùng, các hệ thống phân phối lớn.

5. Thông tin tuyên truyền

a) Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

b) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền định kỳ trên các phương tiện truyền thông về nội dung, kết quả phát triển sản xuất, tiêu thụ nông nghiệp hữu cơ tại địa phương.

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực thi các chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ để tạo niềm tin cho người tiêu dùng, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

6. Cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ

Việc hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ được áp dụng trên cơ sở lồng ghép các chính sách đã được ban hành để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương với các nhóm chính sách như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ (*điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí*), chi phí nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ, chi phí chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, công tác đào tạo, tập huấn sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo tiêu chuẩn hiện hành: Thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 109/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

b) Đối với liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

c) Đối với doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

d) Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ hoặc vật tư đầu vào phục vụ cho sản xuất hữu cơ: Thực hiện theo Điều 16 Nghị định 109/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

đ) Ưu tiên kinh phí khoa học, khuyến nông để thực hiện đề tài nghiên cứu, dự án khuyến nông, đặc biệt về giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thú y thảo mộc.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Hằng năm, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tùy theo tình hình ngân sách để bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này. Trường hợp ngân sách địa phương không đảm bảo được nguồn kinh phí để thực hiện, có văn bản gửi Sở Tài chính để thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định;

b) Chủ trì xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tỉnh và phù hợp với tiêu chuẩn ngành nông nghiệp;

c) Tuyên truyền phổ biến, triển khai Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tổ chức cơ quan, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh;

d) Xây dựng quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ để các địa phương và nhân dân thực hiện đúng quy định. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn tổ chức sản xuất, chứng nhận sản phẩm hữu cơ. Ưu tiên xây dựng, áp dụng các mô hình về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo chương trình/kế hoạch khuyến nông cấp tỉnh. Thúc đẩy phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ;

đ) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh;

e) Phối hợp Sở Công Thương và các địa phương phát triển, đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm hữu cơ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, xây dựng các giải pháp tăng cường kết nối với các doanh nghiệp sơ chế, chế biến, kinh doanh nông sản để thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ;

g) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định;

h) Phối hợp với các cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hiệu quả Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020–2030.

2. Sở Công Thương

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh thực phẩm hữu cơ và sản phẩm hữu cơ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ tiêu thụ thông qua các kênh phân phối;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác lựa chọn, mời doanh nghiệp tham gia liên kết cung cấp vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ tại các mô hình.

3. Sở Y tế

a) Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu hữu cơ, mỹ phẩm hữu cơ, thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương triển khai nội dung thanh tra, truy xuất nguồn gốc làm minh bạch sản phẩm hữu cơ;

b) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tổ chức nghiên cứu và ứng dụng công nghệ phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu dược liệu hữu cơ, các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế phê duyệt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ trong các chương trình khoa học và công nghệ;

b) Chủ trì, xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030. Trong đó tập trung triển khai Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đồng Nai đối với các sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn hữu cơ; đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

c) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sản xuất hữu cơ, đào tạo chuyên gia chuyên sâu về nông nghiệp hữu cơ.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ cho hệ thống giáo dục cơ bản, giáo dục chuyên biệt.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp các trường trung cấp, dạy nghề tăng cường tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ.

7. Tài chính

Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quy định.

8. Các sở, ngành, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền phổ biến, triển khai các quy định, chính sách về sản xuất hữu cơ đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ;

b) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, đơn vị liên quan phê duyệt dự án sản xuất hữu cơ tại địa phương, xác định được các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp, từ đó lập kế hoạch chuyển đổi các vùng đang sản xuất sang sản xuất hữu cơ đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh và sản phẩm đặc sản của địa phương; tổ chức chỉ đạo thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ; tích cực lựa chọn, ứng dụng các quy trình, công nghệ tiên tiến vào sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn cây hữu cơ gắn với thu gom, tái sử dụng phế phụ phẩm.

c) Hàng năm, căn cứ nhu cầu của các cơ sở (*Doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình*) trên địa bàn huyện về hỗ trợ kinh phí xác định vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ; hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ; Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ theo quy định hiện hành;

d) Công bố vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ, các đơn vị, các hộ sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận;

đ) Tạo điều kiện hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong, ngoài nước do UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương tổ chức.

10. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ 6 tháng, một năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu, các Sở, ngành được phân công thực hiện, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, nghiên cứu; đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định./.



Cao Tiên Dũng